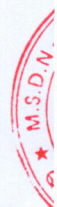


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-37

3100
C
TRAC
HAN
50

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/02/2021
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 21/09/2021
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 31 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 080421.006/BCTC.KT2 ngày 08 tháng 04 năm 2021 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty, cụ thể như sau:

Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu năm và cuối kỳ. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 22,8 tỷ đồng và 22,02 tỷ đồng, đồng thời chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mèm đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Điều này dẫn đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm giảm đi tương ứng. Cụ thể như sau:

- Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 4,52 tỷ đồng (bao gồm: Khấu hao 6 tháng đầu năm 2021 là 0,11 tỷ đồng và khấu hao lũy kế của các năm tài chính trước lũy kế đến 31/12/2020 là 4,41 tỷ đồng).
- Khấu hao ghi nhận thiếu trong năm 2018 của dây chuyền bánh mèm là 3,32 tỷ đồng.

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021 giảm đi tương ứng 7,73 tỷ đồng và 7,84 tỷ đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 0,11 tỷ đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm đi 0,11 tỷ đồng.

Ngoài ra, còn một số vấn đề phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2021 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ, cụ thể:

Công ty chưa ghi nhận tăng nguyên giá đối với một số tài sản cố định đã đưa vào sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2021 với giá trị nguyên giá ước tính là 35,75 tỷ đồng do chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ và cơ sở ghi nhận. Giá trị khấu hao ước tính trong 6 tháng đầu năm 2021 của các tài sản này là 1,46 tỷ đồng đang được ghi nhận trên khoản mục chi phí phải trả tương ứng với chi phí khấu hao đã được ghi nhận vào giá thành trong kỳ.

Tại thời điểm 30/06/2021, Công ty không thực hiện tổ chức kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này trên báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản 2, điều 275 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về tư cách thành viên Hội đồng quản trị, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		296.531.575.859	327.642.549.627
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	41.021.902.516	39.438.864.841
111	1. Tiền		41.021.902.516	39.438.864.841
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.674.572.920	175.306.078.356
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	66.016.536.503	117.857.732.366
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	38.783.803.756	38.515.420.538
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	13.874.232.661	18.932.925.452
140	IV. Hàng tồn kho	7	115.903.629.648	92.172.726.318
141	1. Hàng tồn kho		115.903.629.648	92.172.726.318
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.931.470.775	20.724.880.112
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	17.400.002	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.914.070.773	20.696.756.822
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	28.123.290
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		341.034.961.609	355.245.654.921
220	II. Tài sản cố định		303.000.649.741	315.118.299.934
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	286.778.174.434	298.242.704.636
222	- Nguyên giá		505.599.317.695	503.712.117.732
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(218.821.143.261)	(205.469.413.096)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	16.222.475.307	16.875.595.298
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.140.363.609)	(2.487.243.618)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		1.312.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.312.916.800)	(1.312.916.800)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	32.721.657.341	32.247.662.511
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.721.657.341	32.247.662.511
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.312.654.527	7.879.692.476
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.312.654.527	7.879.692.476
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		637.566.537.468	682.888.204.548

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		421.197.372.536	463.423.718.357
310	I. Nợ ngắn hạn		281.763.693.834	299.626.349.978
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	93.028.052.536	110.154.000.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		929.484.661	1.253.580.767
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.015.045.582	5.364.066.815
314	4. Phải trả người lao động		5.366.859.175	7.458.213.085
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	13.325.522.077	12.283.846.166
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	10.425.228.078	4.546.517.231
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	150.245.298.392	156.373.858.189
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.428.203.333	2.192.267.083
330	II. Nợ dài hạn		139.433.678.702	163.797.368.379
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	139.433.678.702	163.797.368.379
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		216.369.164.932	219.464.486.191
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	216.369.164.932	219.464.486.191
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>122.295.340.000</i>	<i>122.295.340.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.101.936.123	59.497.490.262
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.660.407.891	8.360.175.011
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>4.660.407.891</i>	<i>8.360.175.011</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		637.566.537.468	682.888.204.548

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	286.064.974.579	208.606.752.393
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.276.651.091	1.214.159.604
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		284.788.323.488	207.392.592.789
11	4. Giá vốn hàng bán	22	232.332.639.163	171.159.353.651
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.455.684.325	36.233.239.138
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	19.284.721	14.874.001
22	7. Chi phí tài chính	24	9.004.024.851	9.448.397.661
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.636.829.061	9.322.972.144
25	8. Chi phí bán hàng	25	24.724.539.832	9.815.822.815
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13.054.929.298	11.398.440.848
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.691.475.065	5.585.451.815
31	11. Thu nhập khác	27	294.627.175	15.000.000
32	12. Chi phí khác	28	160.592.376	21.376.677
40	13. Lợi nhuận khác		134.034.799	(6.376.677)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.825.509.864	5.579.075.138
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.165.101.973	1.115.815.028
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.660.407.891</u>	<u>4.463.260.110</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	381	365

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		364.579.808.769	359.980.885.033
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(288.452.204.754)	(272.971.498.843)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.498.956.590)	(26.871.749.692)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.885.137.931)	(9.654.140.809)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(918.582.856)	(787.729.809)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.651.007	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.428.380.424)	(4.526.396.876)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>34.417.197.221</i>	<i>45.169.369.004</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.361.194.793)	(9.152.542.675)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.284.721	14.874.001
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(2.341.910.072)</i>	<i>(9.137.668.674)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		190.029.238.552	222.722.298.219
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(218.024.444.569)	(259.057.074.266)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.497.043.457)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.457.880)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(30.492.249.474)</i>	<i>(36.342.233.927)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>1.583.037.675</i>	<i>(310.533.597)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.438.864.841	31.433.119.462
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>41.021.902.516</u>	<u>31.122.585.865</u>

Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 557 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 596 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao so với cùng kỳ năm trước do hoạt động của nhà máy Nghệ An đã ổn định. Đồng thời 6 tháng đầu năm trước, do ảnh hưởng dịch bệnh nên kết quả kinh doanh năm trước của Công ty thấp hơn cùng kỳ năm nay.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ
Hưng Yên
Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính
Sản xuất thực phẩm
Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất	10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định như trên hợp đồng, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và được chia khi có thông báo từ đối tác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí tiêu thụ sản phẩm... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu là doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.483.168.406	2.895.437.469
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.538.734.110	36.543.427.372
	<u>41.021.902.516</u>	<u>39.438.864.841</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	11.593.513.713	-	11.831.528.075	-
- Công ty CP Mía đường Sơn Dương	2.680.513.602	-	2.786.289.602	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	7.946.822.618	-	17.450.674.606	-
- Đại lý Hoàng Thị Hiền	3.823.244.883	-	12.287.467.979	-
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	3.193.814.949	-	2.747.435.858	-
- Chi nhánh Công ty TNHH An Thuận Hưng tại Hà Nội	10.447.001	-	688.957.093	-
- Công ty TNHH TM - TH Dũng Hằng	-	-	951.942.741	-
- Phải thu khách hàng khác	36.768.179.737	-	69.113.436.412	-
	66.016.536.503	-	117.857.732.366	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	15.139.107.259	-	15.299.413.770	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	18.208.681.920	-	18.309.181.920	-
- Ban Quản Lý KKT Đông Nam Nghệ An	-	-	1.801.375.000	-
- Công ty CP mía đường Sơn Dương	-	-	2.000.000.000	-
- Công ty CP Bía rượu nước giải khát Viger	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - TCT Mía đường I	12.724.514.939	-	13.431.101.019	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	6.750.606.897	-	1.873.762.599	-
	38.783.803.756	-	38.515.420.538	-
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	30.933.196.859	-	33.740.282.939	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	9.841.842.992	-	13.739.917.285	-
- Ký cược, ký quỹ	3.153.876.000	-	3.153.876.000	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	875.384.669	-	2.039.132.167	-
- Phải thu khác	3.129.000	-	-	-
	13.874.232.661	-	18.932.925.452	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	92.786.135.719	-	64.439.085.920	-
Công cụ, dụng cụ	3.613.384.419	-	3.282.569.921	-
Thành phẩm	18.927.252.238	-	24.282.115.454	-
Hàng hoá	576.857.272	-	168.955.023	-
	115.903.629.648	-	92.172.726.318	-

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy Hưng Yên	148.771.995	148.771.996
- Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi (1)	17.216.924.727	17.216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai (2)	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy tại Vĩnh Long	832.159.818	358.164.987
	32.721.657.341	32.247.662.511

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

(1) Công trình dự án Nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi:

Công ty thực hiện ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Tập đoàn Picenza Việt Nam (Picenza) phục vụ công việc triển khai dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m² tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty trao quyền cho Picenza toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picenza tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picenza được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm 30/06/2021 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ.

(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12.345.264.716 đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	213.926.859.507	274.810.365.003	13.470.147.868	1.504.745.354	503.712.117.732
- Mua trong kỳ	-	565.507.600	-	-	565.507.600
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.321.692.363	-	1.321.692.363
- Phân loại lại	(1.317.496.134)	1.598.011.134	-	(280.515.000)	-
Số dư cuối kỳ	212.609.363.373	276.973.883.737	14.791.840.231	1.224.230.354	505.599.317.695
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	64.089.228.994	131.260.725.997	8.971.304.567	1.148.153.538	205.469.413.096
- Khấu hao trong kỳ	4.428.704.865	8.432.961.204	471.435.286	18.628.810	13.351.730.165
- Phân loại lại	(1.323.333.111)	1.115.589.558	200.543.553	7.200.000	-
Số dư cuối kỳ	67.194.600.748	140.809.276.759	9.643.283.406	1.173.982.348	218.821.143.261
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	149.837.630.513	143.549.639.006	4.498.843.301	356.591.816	298.242.704.636
Tại ngày cuối kỳ	145.414.762.625	136.164.606.978	5.148.556.825	50.248.006	286.778.174.434

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 77.879.339.821 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2021 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 3.140.363.609 đồng. Khấu hao trong kỳ là 645.427.956 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối kỳ	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối kỳ	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.400.002	-
	17.400.002	-
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định	504.247.840	1.113.935.111
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.808.406.687	6.765.757.365
	5.312.654.527	7.879.692.476

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	15.643.446.282	15.643.446.282	14.738.577.844	14.738.577.844
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	34.245.892.426	34.245.892.426	42.592.827.041	42.592.827.041
- Công ty TNHH Muối Khánh Hòa	5.122.010.000	5.122.010.000	3.326.865.000	3.326.865.000
- Công ty TNHH Hồng Dương	10.678.016.700	10.678.016.700	7.798.167.000	7.798.167.000
- Công ty TNHH Văn Chương	6.052.059.081	6.052.059.081	8.236.560.805	8.236.560.805
- Phải trả các đối tượng khác	21.286.628.047	21.286.628.047	33.461.002.952	33.461.002.952
	93.028.052.536	93.028.052.536	110.154.000.642	110.154.000.642
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	49.890.888.708	49.890.888.708	57.331.404.885	57.331.404.885

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	13.122.400	3.658.645.875	8.265.604.348	8.089.484.103	-	3.821.643.720
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	15.000.890	-	36.945.413	21.944.523	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.158.621.575	1.157.459.903	918.582.856	-	1.397.498.622
Thuế Thu nhập cá nhân	-	546.799.365	124.504.767	203.270.892	-	468.033.240
Thuế Tài nguyên	-	-	362.190	362.190	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.128.080.184	1.800.210.184	-	327.870.000
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	28.123.290	5.364.066.815	11.716.956.805	11.037.854.748	-	6.015.045.582

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	248.308.870
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	3.888.506.904	9.491.026.762
- Chi phí vận chuyển	1.057.629.619	2.474.510.534
- Chi phí sản xuất chung	6.778.930.892	-
- Chi phí khấu hao tài sản chưa ghi nhận	1.460.944.128	-
- Chi phí phải trả khác	139.510.534	70.000.000
	<u>13.325.522.077</u>	<u>12.283.846.166</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	287.801.747	217.416.144
- Bảo hiểm xã hội	393.242.721	-
- Bảo hiểm y tế	69.395.776	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.842.567	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.337.720.400	-
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	1.143.866.395	1.365.486.643
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.142.358.472	2.943.614.444
	<u>10.425.228.078</u>	<u>4.546.517.231</u>

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay Ngân hàng	156.373.858.189	156.373.858.189	189.556.238.552	195.684.798.349	150.245.298.392	150.245.298.392
	156.373.858.189	156.373.858.189	189.556.238.552	195.684.798.349	150.245.298.392	150.245.298.392
b) Vay dài hạn						
- Vay Ngân hàng	82.786.206.081	82.786.206.081	473.000.000	9.339.646.220	73.919.559.861	73.919.559.861
- Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	15.260.716.400	15.260.716.400	-	-	15.260.716.400	15.260.716.400
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công Ty Mía Đường I	19.200.000.000	19.200.000.000	-	13.000.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
- Vay dài hạn cá nhân	15.142.639.570	15.142.639.570	-	-	15.142.639.570	15.142.639.570
- Nợ thuê tài chính dài hạn	11.407.806.328	11.407.806.328	-	2.497.043.457	8.910.762.871	8.910.762.871
	163.797.368.379	163.797.368.379	473.000.000	24.836.689.677	139.433.678.702	139.433.678.702
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	163.797.368.379	163.797.368.379			139.433.678.702	139.433.678.702

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2018-00238-000 ngày 21/12/2018 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 11.367.766.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy làm bánh quy, máy làm Cookies, máy ép lương khô, máy sản xuất bánh mì, lò nướng quay;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,76%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả tại 30/06/2021 là 3.955.337.594 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.636.891.736 đồng).

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2019-0034-000 ngày 24/03/2019 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 10.071.582.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy sản xuất Cookies, dây chuyền nạp liệu và đóng gói bánh bông lan;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả tại 30/06/2021 là 4.955.425.277 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.357.195.178 đồng).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/144344/HĐTD ngày 30/07/2021	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	82.616.868.506	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng						
	Hợp đồng tín dụng số 3272.21.065.29907.TD ngày 17 tháng 06 năm 2021	50.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/06/2022	Theo từng giấy nhận nợ	49.763.731.250	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên						
	Hợp đồng tín dụng số 147/BN/2021/HĐTD ngày 6/8/2021	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	17.864.698.636	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					150.245.298.392	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					73.919.559.861	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng					4.683.274.859	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 19328.17.065.29907.TD ngày 20/09/2017	2.499.420.000	Thanh toán chi phí nhập 01 dây chuyền cân định lượng và đóng gói đường VFFS	48 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	248.598.000	Tài sản đảm bảo
1.2	Hợp đồng cho vay số 4913.18.065.29907.TD ngày 07/02/2018	1.109.250.000	Thanh toán bù đắp tiền khách hàng đã mua xe phục vụ hoạt động chuyên chở cán bộ công nhân viên của Công ty	48 tháng	Lãi suất thả nổi	207.984.375	Tài sản đảm bảo
1.3	Hợp đồng cho vay số 9413.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	2.025.082.780	Thanh toán bù đắp tiền mua máy làm bánh mỳ siêu mềm theo hợp đồng ngoại số KJ9447/17/J/NT ngày 16/08/2017	48 tháng	Lãi suất thả nổi	376.189.468	Tài sản đảm bảo
1.4	Hợp đồng cho vay số 9370.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	1.640.100.000	Thanh toán chi phí mua 01 dây chuyền sản xuất thạch tự động mới 100% xuất xứ Đài Loan	48 tháng	Lãi suất thả nổi	300.685.000	Tài sản đảm bảo
1.5	Hợp đồng cho vay số 13342.18.065.29907.TD ngày 26/04/2018	785.400.000	Thanh toán tiền mua máy bơm kem bánh mỳ sản xuất tại Việt Nam theo Hợp đồng số 55/2018/TMTVĐT-HC ngày 28/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	168.300.000	Tài sản đảm bảo
1.6	Hợp đồng cho vay số 33244.18.065.29907.TD ngày 21/09/2018	10.734.679.200	Thanh toán bù đắp 70% giá trị dây chuyền sản xuất bánh trung thu và manju	48 tháng	Lãi suất thả nổi	3.381.518.016	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					65.021.039.100	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	15.170.656.600	Tài sản đảm bảo
2.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	49.850.382.500	Tài sản đảm bảo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 30/06/2021	Hình thức đảm bảo tiền vay
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên					3.750.000.000	
3.1	Hợp đồng cho vay số 159LBN/2018/HĐCV ngày 16/11/2018	10.000.000.000	Bù đắp vốn cho Hợp đồng ngoại số 2018-0319-07/ GORRERI - HC ngày 09/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	3.750.000.000	Tài sản đảm bảo
4	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm					465.245.902	
4.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe oto TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm áp dụng trong suốt thời hạn cho vay	465.245.902	Tài sản đảm bảo
II	Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam					20.000.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2018/HC-PICENZA ngày 08/05/2018	20.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	36 tháng	6,5%/năm, tháng đầu tiên của thời hạn vay không tính lãi	20.000.000.000	Tín chấp
III	Tổng Công ty Mía đường I - CTCP					15.260.716.400	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	9.874.581.200	Tín chấp
IV	Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công ty Mía đường I					6.200.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	6.200.000.000	Tín chấp
V	Các khoản vay cá nhân					15.142.639.570	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	15.142.639.570	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	15.142.639.570	Tín chấp

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	57.989.979.087	15.263.383.528	224.860.183.533
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	4.463.260.110	4.463.260.110
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.507.511.175	(15.263.383.528)	(13.755.872.353)
Số dư cuối kỳ trước	<u>122.295.340.000</u>	<u>25.863.334.000</u>	<u>3.448.146.918</u>	<u>59.497.490.262</u>	<u>4.463.260.110</u>	<u>215.567.571.290</u>
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	59.497.490.262	8.360.175.011	219.464.486.191
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.660.407.891	4.660.407.891
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	604.445.861	(8.360.175.011)	(7.755.729.150)
Số dư cuối kỳ này	<u>122.295.340.000</u>	<u>25.863.334.000</u>	<u>3.448.146.918</u>	<u>60.101.936.123</u>	<u>4.660.407.891</u>	<u>216.369.164.932</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 420/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.360.175.011
Trích Quỹ đầu tư phát triển	7,23%	604.445.861
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	418.008.750
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	87,77%	7.337.720.400

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	36,70%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	15,42%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	10,58%	12.939.360.000	10,58%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	6,99%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	18,17%	22.222.220.000
Các cổ đông khác	12,14%	14.843.370.000	12,14%	14.843.370.000
	100%	122.295.340.000	100%	122.295.340.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>122.295.340.000</u>	<u>122.295.340.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	-	7.457.880
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	7.337.720.400	12.229.534.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	7.337.720.400	12.229.534.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(7.457.880)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(7.457.880)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>7.337.720.400</u>	<u>12.229.534.000</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.229.534	12.229.534
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.101.936.123	59.497.490.262
	60.101.936.123	59.497.490.262

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,0	Đến năm 2023
Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2043
Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,0	Đến năm 2057
Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,0	Đến năm 2069

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	38.328,09	18.428,52
- Đồng Euro (EUR)	2.181,07	13.519,70

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	282.968.505.401	205.515.726.631
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.096.469.178	3.091.025.762
	<u>286.064.974.579</u>	<u>208.606.752.393</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>204.081.281</u>	<u>975.533.159</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	1.276.651.091	1.214.159.604
	<u>1.276.651.091</u>	<u>1.214.159.604</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	232.332.639.163	171.159.353.651
	<u>232.332.639.163</u>	<u>171.159.353.651</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>126.757.945.983</u>	<u>182.950.887.508</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.284.721	14.874.001
	<u>19.284.721</u>	<u>14.874.001</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.636.829.061	9.322.972.144
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	367.195.790	125.425.517
	<u>9.004.024.851</u>	<u>9.448.397.661</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.829.770	188.365.444
Chi phí nhân công	5.280.915.795	3.174.064.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.894.182	434.642.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.337.261.522	738.850.142
Chi phí khác bằng tiền	11.506.638.563	5.279.900.281
	<u>24.724.539.832</u>	<u>9.815.822.815</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.020.580	420.042.868
Chi phí nhân công	6.384.418.773	5.678.480.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	839.779.610	1.127.128.799
Thuế, phí, lệ phí	2.194.667.956	1.222.454.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.845.805.370	1.215.089.681
Chi phí khác bằng tiền	1.528.237.009	1.735.244.703
	<u>13.054.929.298</u>	<u>11.398.440.848</u>

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	294.627.175	15.000.000
	<u>294.627.175</u>	<u>15.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	160.592.376	-
Chi phí khác	-	21.376.677
	<u>160.592.376</u>	<u>21.376.677</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.825.509.864	5.579.075.138
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.825.509.864	5.579.075.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.165.101.973</u>	<u>1.115.815.028</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN phải nộp kỳ này	(7.642.070)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.158.621.575	787.729.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(918.582.856)	(787.729.809)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>1.397.498.622</u>	<u>1.115.815.027</u>

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.660.407.891	4.463.260.110
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.660.407.891	4.463.260.110
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.229.534	12.229.534
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>381</u>	<u>365</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	130.922.028.340	83.868.082.219
Chi phí nhân công	28.498.046.697	13.076.375.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.997.158.121	13.909.469.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.902.717.933	78.026.141.147
Chi phí khác bằng tiền	16.437.293.986	4.599.552.592
	264.757.245.077	193.479.620.384

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.021.902.516	-	39.438.864.841	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.890.769.164	-	136.790.657.818	-
	120.912.671.680	-	176.229.522.659	-
	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ		289.678.977.094	320.171.226.568	
Phải trả người bán, phải trả khác		103.453.280.614	114.700.517.873	
Chi phí phải trả		13.325.522.077	12.283.846.166	
		406.457.779.785	447.155.590.607	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.021.902.516	-	-	41.021.902.516
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.890.769.164	-	-	79.890.769.164
	<u>120.912.671.680</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>120.912.671.680</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.438.864.841	-	-	39.438.864.841
Phải thu khách hàng, phải thu khác	136.790.657.818	-	-	136.790.657.818
	<u>176.229.522.659</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>176.229.522.659</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	150.245.298.392	139.433.678.702	-	289.678.977.094
Phải trả người bán, phải trả khác	103.453.280.614	-	-	103.453.280.614
Chi phí phải trả	13.325.522.077	-	-	13.325.522.077
	267.024.101.083	139.433.678.702	-	406.457.779.785
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	156.373.858.189	163.797.368.379	-	320.171.226.568
Phải trả người bán, phải trả	114.700.517.873	-	-	114.700.517.873
Chi phí phải trả	12.283.846.166	-	-	12.283.846.166
	283.358.222.228	163.797.368.379	-	447.155.590.607

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	204.081.281	975.533.159
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	62.501.561	96.321.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	71.115.720	581.911.440
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	70.464.000	297.300.719
Mua hàng hóa, vật tư	126.757.945.983	182.950.887.508
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	59.139.502.647	14.213.056.936
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	67.618.443.336	168.737.830.572

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng	15.139.107.259	15.299.413.770
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	865.079.944	681.596.093
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	11.593.513.713	11.831.528.075
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.680.513.602	2.786.289.602
Ứng trước cho nhà cung cấp	30.933.196.859	33.740.282.939
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	2.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	18.208.681.920	18.309.181.920
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	12.724.514.939	13.431.101.019
Phải trả người bán ngắn hạn	49.890.888.708	57.331.404.885
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	15.643.446.282	14.738.577.844
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	34.247.442.426	42.592.827.041
Vay	51.730.595.070	64.730.595.070
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	15.260.716.400	15.260.716.400
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	6.200.000.000	19.200.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Pizenza Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Hội	6.090.465.390	6.090.465.390
Bà Cao Thị Hồng Liên	4.179.413.280	4.179.413.280

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng như sau:

Tên thành viên ban điều hành	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	67.140.000	85.500.000
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	191.679.925	176.016.348
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc	45.360.000	57.000.000
Ông Bùi Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	64.020.389	130.980.062
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	167.206.114	144.770.926
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	159.048.433	104.355.740
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	165.334.054	132.043.859
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc	157.451.429	124.310.530

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.


Khúc Thị Minh Phương
Người lập


Khúc Thị Minh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2021

